TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THI VĂN VẠN HẠNH

HT. Thích Thắng Hoan

A)- PHẦN TIỂU SỬ:

Thiền sư Vạn Hạnh họ Nguyễn không rõ tên thật và năm sanh, người làng Cổ Pháp, ngày nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Cha Ông đều theo đạo Phật. Thuở nhỏ Thiền sư tỏ ra thông minh xuất chúng, học thông Tam Giáo (Phật, Lão, Khổng), khảo cứu nhiều kinh luận Phật Pháp. Năm 21 tuổi (có chỗ nói năm 20 tuổi) Thiền sư xuất gia với Thiền sư Thiền Ông ở chùa Lục Tổ làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức, ngài là thế hệ thứ 12 của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi thuộc dòng thiền Mật Tông đầu tiên nước ta... Sau khi Thiền sư Thiền Ông viên tịch, Thiền sư chuyên tu tập pháp "Tổng Trì Tam Ma Địa" là pháp Thiền của Mật Tông và được chứng đắc pháp môn này, cho nên mỗi khi nói lên câu nào cũng đều trở thành câu sấm (oracle).

Vào năm 980, nhà Tống sai Hầu Nhân Bảo đem binh sang đánh nước ta, vua Lê Đại Hành mời Thiền sư đến hỏi về việc thắng bại của quân ta, Thiền sư liền trả lời: "Trong ba, bảy ngày thì giặc rút." Lời sấm đây quả nhiên ứng nghiệm. Thiền sư rất giỏi về sấm ngữ và độc số, cho nên vua Lê Đại Hành rất đem lòng thán phục.

Theo các sử liệu, Thiền sư Vạn Hạnh chẳng những là một cao tăng đắc đạo và còn là một nhà chánh trị lỗi lạc, thường quan tâm đến những biến cố quốc gia và xã hội lúc bấy giờ. Thiền sư đã góp nhiều ý kiến cho vua Lê Đại Hành chống giặc ngoại xâm và cũng là người đắc lực nhất trong việc vận động đưa Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng Đế. Sau khi Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng Đế vào năm 1010, với tước vị là Thái Tổ nhà Lý và phong Thiền sư lên địa vị Quốc Sư.

Thiền Sư Vạn Hạnh viên tịch ngày 15 tháng 5 năm Mậu Ngọ, niên hiệu Thuận Thiên thứ 9 (tức ngày 30 tháng 6 năm 1018). Vua Lý Thái Tổ và các đệ tử rước nhục thân Thiền sư lên hỏa đàn và sau đó hài cốt được xây tháp để thờ.

Trước khi viên tịch, Thiền sư có để lại một số tác phẩm Thi Sấm và một bài thi kệ *Thị Đệ Tử* (Bảo các đệ tử), nhưng rất tiếc hiện nay chỉ còn lại 5 bài Thi Sấm và bài thi kệ *Thị Đệ Tử* được lưu trữ trong sử liệu. Bài thi kệ Thị Đệ Tử như sau:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn một xuân vinh thu hựu khô,
Nhậm vận thạnh suy vô bố úy,
Thạnh suy như lộ thảo đầu phô.

Thích Mật Thể dịch:
Thân như bóng chớp chiều tà,
Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời,
Sá chi suy thạnh cuộc đời,
Thạnh suy như hạt sương rơi đầu cành."

B)- PHẦN TƯ TƯỞNG:

Căn cứ theo các dữ kiện còn lại trong sử liệu, Vạn Hạnh quả thật là một Thiền sư đắc đạo pháp Thiền của Mật Tông, có trí tuệ siêu đẳng phi thường vô tiền khoáng hậu, có tầm nhìn xuyên suốt càn khôn vũ trụ, biết sử dụng và chuyển hóa những nhu yếu đồng quy theo sở cầu và biết vận dụng uyển chuyển thời cơ linh hoạt để đạt thành mục đích. Những đặc điểm chứng đắc pháp Thiền của Mật Tông được nhận thấy như sau:

1.- Pháp Thiền Mật Tông:

Pháp Thiền của Mật Tông mà Thiền sư Vạn Hạnh tu tập chính là pháp môn Tổng Trì Tam Ma Địa (*Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* của Thích Mật Thể, trang 119), nguyên vì Kinh Tổng Trì là quyển kinh của Mật Giáo mà ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi lấy đó làm kim chỉ nam để truyền dạy cho các đệ tử tu tập. Tổng Trì Tam Ma Địa mà Thiền sư Vạn Hạnh hành trì chính là pháp môn tổng hợp giữa Mật và Thiền do Thiền sư Thiền Ông trao truyền, đây là một sáng tạo pháp môn mới của Tông phái Thiền Mật Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Tại sao Tổng Trì Tam Ma Địa là pháp môn tổng hợp giữa Thiền và Mật? Vấn đề đây được thấy như sau:

a.- Tổng Trì: tiếng Phạn là Dhàràni (Đà La Ni), theo Từ Điển Phật Học Hán Việt, tập I, do Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học Hà Nội Xuất Bản năm 1992, trang 373 giải thích:

Tổng Trì nghĩa là giữ gìn tất cả. Tổng Trì có hai loại: Năng Trì và Năng Già:

* Năng Trì là có sức giữ gìn, nghĩa là có sức giữ gìn không để cho các thiện pháp bị tán loạn.

* Năng Già là có sức che lấp, nghĩa là có sức ngăn che các ác pháp khiến chúng không nảy sanh.

Tổng Trì (Dhàràni) chia làm 4 loại:

1. Pháp Tổng Trì (Pháp Dhàràni): là nghe giáo pháp của Phật liền giữ gìn mà không quên.
2. Nghĩa Tổng Trì (Nghĩa Dhàràni): là đối với nghĩa của các pháp thì nhớ lấy tất cả mà không quên.
3. Chú Tổng Trì (Chú Dhàràni): là đối với những câu bí mật của chư Phật, chư Bồ Tát truyền lại để ủng hộ nhà tu hành, trừ khử mọi sự độc ác, thần nghiệm không thể lường thì phải nhớ lấy tất cả.
4. Nhẫn Tổng Trì (Nhẫn Dhàràni): là đối thực tướng của các pháp thì phải nhẫn nhục, an trụ cho thân tâm khỏi xao động.

Đây là công thức hành trì của Mật Tông đòi hỏi hành giả phải có Năng Lực Thượng Thặng mới đủ khả năng điều khiển được bốn pháp Tổng Trì này. Năng lực thượng thặng đây trong Bát Nhã Tâm Kinh gọi là *"Linh chú đại thần, linh chú đại minh, linh chú vô thượng, linh chú tuyệt đỉnh, có năng lực rất phi phàm tiêu trừ tất cả khổ nạn."*

b.- Tam Ma Địa: Tiếng Phạn là Samàdhi, nghĩa là chánh định, có chỗ gọi là đại định kiên cố (đúng như trong *Từ Điển Phật Học Hán Việt,* tập II, Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học Hà Nội Xuất Bản năm 1994) giải thích rằng: Tam Ma Địa là phép thiền định đại định của nhà tu hành bậc cao. Trong khi nhập định thì thân thể và tâm trí chẳng còn xao động, chỉ chú vào một mục đích mà thôi. Lúc bấy giờ những vọng tưởng, những tà kiến chẳng thể xâm nhập vào tâm của nhà tu hành."

Đây là pháp môn tu thiền của các bậc Đại Thừa Bồ Tát tu tập. Tất cả pháp môn của Phật để lại, mỗi pháp môn đều có chỉ dạy cho các đệ tử tu tập để có Tu Huệ (Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ) gọi là pháp môn tu thiền định và trong các tông phái, mỗi tông phái đều có dạy cách tu thiền định riêng cho mỗi tông phái đó. Những pháp môn thiền định trong các kinh các tông phái xin được liệt kê tổng quát như sau:

Thiền Định có nhiều loại, có loại của Phật chế định, có loại của các đệ tử Phật chế định, có loại của các Tổ sau này chế định....:

* Thiền Yoga là của ngoại đạo chế định.

* Thiền 37 Phẩm Trợ Đạo, Thiền Lục Độ Ba La Mật Quán, Thiền Tịnh Độ Quán, v.v... là của Phật chế định.

* Thiền Tứ Niệm Xứ Quán, Thiền Nhân Duyên Quán, Thiền Sổ Tức Quán, Thiền Giới Phân Biệt Quán, Thiền Ngũ Uẩn Quán, v.v... là của các đệ tử Phật dựa theo các kinh Phật giảng dạy chế định.

* Thiền Duy Thức Quán, Thiền Nhứt Tâm Tam Quán, Thiền An Ban Thủ Ý, v.v... là do các Tổ sau này dựa theo Kinh Phật chế định."

(*Những Yếu Điểm Của Tư Tưởng Duy Thức*, tác giả Thích Thắng Hoan)

Cũng từ đó Thiền Tổng Trì Tam Ma Địa, là một trong những pháp thiền nói trên đều do

các Tổ bên Mật Tông dựa theo các Kinh luận sáng lập để truyền thừa tu tập.

c.- Giá Trị Tổng Trì Tam Ma Địa:

Có thể xác định một lần nữa Tổng Trì Tam Ma Địa là một pháp môn biểu tượng cho Thiền Mật Tổng Hợp; Thiền là Tam Ma Địa và Mật là Tổng Trì. Hai pháp môn này phối hợp chặt chẽ trong mọi lãnh vực tu tập nhằm đào luyện và phát huy năng lực của Tâm để quán chiếu điều khiển và sử dụng toàn diện bốn pháp Tổng Trì theo sở cầu. Người tu Tổng Trì Tam Ma Địa, trước tiên phải hành trì Tam Ma Địa cho được thuần thục theo những điều kiện của pháp tu này như: "Khi nhập định: không cho thân thể và tâm trí bị xao động, không cho vọng tưởng và khiến xâm nhập vào tâm, chỉ chuyên nhất vào một mục đích." Tu tập đến khi nào năng lực của Tâm phát huy mới thôi. Năng lực của Tâm khác hơn năng lực của Ý Thức và của năm Thức trước. Năng lực của Tâm cũng giống như năng lực của dòng điện; năng lực của Ý Thức cũng giống như năng lực điện quang; năng lực của năm Thức trước cũng giống như năng lực của điện nhiệt, v.v... Năng lực của dòng điện chỉ tác dụng sức hút mà không phát ra ánh sáng hay phát ra sức nóng, v.v... Còn năng lực điện quang và năng lực điện nhiệt, v.v... chỉ phát ra lực lượng ánh sáng và chỉ phát ra lực lượng sức nóng... mà không tác dụng phát ra sức hút giống như năng lực của dòng điện. Năng lực của điện quang, năng lực của điện nhiệt, v.v... sở dĩ khác hơn năng lực của dòng điện là do bị chi phối và bị hạn chế bởi các cơ giới, như bị chi phối và bị hạn chế bởi bóng đèn, bởi máy heat, v.v... Còn năng lực của dòng điện có thể chui vào tất cả cơ giới và có thể điều khiển các cơ giới sinh hoạt.

Từ đó quán chiếu, năng lực của Tâm không phải năng lực của Ý Thức và của năm Thức trước, nguyên vì năng lực của Ý Thức và của năm Thức trước bị chi phối và bị hạn chế bởi sáu giác quan (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân thể và Ý). Trong năm Thức trước, năng lực của mỗi Thức chỉ có khả năng hiểu biết được một khía cạnh nơi một sự vật mà không thể biết được các khía cạnh khác của sự vật đó, như Nhãn Thức chỉ có khả năng thấy biết được hình sắc của một sự vật mà không thể nghe được âm thanh của sự vật đó; Nhĩ Thức chỉ có khả năng nghe biết được âm thanh của một sự vật mà không thể nhìn thấy được hình sắc của sự vật đó; cho đến các Thức khác đều cũng giống như thế. Năng lực của Ý Thức cũng vậy, nghĩa là chỉ có khả năng nhận thức được tánh chất, giá trị và ý nghĩa một sự vật mà không thể nhìn thấy được hình sắc, không thể nghe được âm thanh, v.v... của một sự vật. Hơn nữa sự sinh hoạt của sáu Tâm Thức, từ Ý Thức cho đến năm Thức trước bị giới hạn thời gian, chỉ sinh hoạt và hiểu biết những sự vật sinh hoạt ban ngày mà không thể hiểu biết những sự vật sinh hoạt về đêm. Ngược lại năng lực của Tâm có khả năng chun vào sinh hoạt tất cả giác quan trong thân thể con người để phân phối hiểu biết, có thể xây dựng cơ chế các sự vật hiện hữu và sanh trưởng, có thể điều khiển và duy trì sanh mạng các sự vật tồn tại không quy định thời gian. Thí dụ như trong thân thể con người, sáu Tâm Thức, từ Nhãn Thức cho đến Ý Thức chỉ sinh hoạt giới hạn thời gian ban ngày rồi phải an nghỉ. Ngược lại năng lực của Tâm luôn luôn sinh hoạt liên tục suốt cả đời người không có giới hạn thời gian ngày đêm.

Muốn phát huy được năng lực của Tâm, hành giả phải áp dụng công thức Tam Ma Địa để hành trì cho được thuần thục. Sau khi thành thục được năng lực của Tâm, hành giả sử dụng năng lực đó đem vào đào luyện bốn tiêu chuẩn của Tổng Trì để phát huy trí tuệ siêu việt đại thừa, quán chiếu thấu suốt tận cùng của nguyên lý vạn pháp và có khả năng điều khiển nguyên lý vạn pháp một cách linh hoạt dung thông tự tại. Đây là phương pháp đặc thù có một không hai của Mật Tông Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Thiền sư Vạn Hạnh đã thành quả và chứng đắc một cách vi diệu pháp môn Tổng Trì Tam Ma Địa này, cho nên mỗi khi nói lên những câu nào đều trở thành sấm ngữ.

2.- Những Dữ Kiện Chứng Minh Sự Chứng Đắc:

Sự chứng đắc của Thiền sư Vạn Hạnh thể hiện qua sự hành hoạt của ngài được thấy trong các thi văn mà các sử liệu còn ghi lại. Qua những dữ kiện đó, Thiền sư đích thật có trí tuệ siêu việt phi thường, có tầm nhìn xuyên suốt càn khôn vũ trụ. Sự biến thuyên của trời đất, của con người không ra ngoài tầm nhìn của Thiền sư và ngài còn biết lợi dụng những sự biến thuyên đó chuyển hóa theo hướng của ngài để đạt thành mục đích. Thiền sư Vạn Hạnh

có tầm nhìn xuyên suốt càn khôn vũ trụ, cũng giống như Khổng Minh có tầm nhìn toàn diện thế cuộc của Trung Hoa thời Tam Quốc. Thiền sư cũng biết lợi dụng những sự biến thuyên của trời đất chuyển hóa theo hướng của ngài để đạt thành mục đích, cũng giống như Khổng Minh lợi dụng thời tiết của Trường Giang đoạt lấy tên của Tàu Tháo cung cấp cho Đông Ngô. Những sự kiện này được nhận định như sau:

a.- Một dữ kiện thứ nhất chứng minh sự chứng đắc của Thiền Sư Vạn Hạnh: Vào Thiên Phúc năm đầu (980), nhà Tống sai Hầu Nhân Bảo đem quân sang đánh nước ta, vua Lê Đại Hành mời Thiền sư Vạn Hạnh đến hỏi về việc thắng bại của quân ta, Thiền sư trả lời: "Tam thất nhật trung tắc thối," nghĩa là "Trong 21 ngày thì giặc lút lui." (*Thiền Học Việt Nam,* Nguyễn Đăng Thục, trang 218) Lời sấm đây quả nhiên ứng nghiệm. Chú ý, trong câu "Tam thất nhật trung tắc thối," có hai chữ Tam và chữ Thất, chữ Tam nghĩa là số 3, chữ Thất nghĩa là số 7, hai số này không phải cọng lại mà phải nhơn lên mới đúng ý nghĩa của câu sấm này. Đây là thuộc loại Cửu Chương Thất trong bài toán nhơn của Trung Hoa, như "Nhứt thất như thất, nhị thất nhứt tứ, tam thất nhị nhứt, v.v... nghĩa là "Một lần bảy là bảy, hai lần bảy là mười bốn, ba lần bảy là hai mươi mốt, v.v… (1 x 7 = 7; 2 x 7 = 14; 3 x 7 = 21, v.v...). Đây là Mã Số Bí Mật (Code secret) và Thiền sư Vạn Hạnh dùng Mã Số Bí Mật này để truyền đạt những tin đặc biệt dành cho một số người quan trọng cần biết mà không được phổ biến rộng rãi đến nhiều người, vì sợ gián điệp của kẻ địch biết được sẽ chuyển đổi kế hoạch và phương hướng rất nguy hiểm.

Thiền sư vận dụng trí tuệ siêu việt của Tâm quán chiếu toàn diện mặt trận biên cương phía bắc giữa ranh giới hai quốc gia Việt Trung và nắm được tình thế thắng bại của đoàn quân xâm lăng nhà Tống do Hầu Nhân Bảo chỉ quy; Cho nên Thiền sư cả quyết với vua Lê Đại Hành nhất định chỉ trong 21 ngày đoàn quân nhà Tống sẽ bại trận và tự động rút lui mà quân ta không cần phải chiến đấu. Sự cả quyết của Thiền sư Vạn Hạnh với vua Lê Đại Hành, chúng ta nhận định sẽ thấy được phần nào những điểm căn bản như sau:

1. Những nhược điểm của đoàn quân viễn chinh nhà Tống mà Thiền sư Vạn Hạnh thấy được:

- Đoàn quân hỗn hợp, thiếu kỷ cương, thiếu kinh nghiệm chiến trường, mặc dù hùng mạnh.
- Đoàn quân viễn chinh xa nhà quá lâu, đường dài mệt mỏi, không có tinh thần chiến đấu.
- Đoàn quân đến đâu làm xáo trộn nếp sống an bình đến đó khiến cho quần chúng địa phương sợ sệt và thù ghét.
- Đoàn quân ỷ mình hùng hậu trở nên cao ngạo, tự phụ, khinh thường tất cả, không chịu nghe ai khuyên bảo.

Đây là những nhược điểm cơ bản của nhà binh mà đoàn quân nhà Tống vấp phải sẽ đưa đến kết quả bại trân rút lui.

2. Những ưu điển của nước ta mà Thiền sư Vạn Hạnh nắm vững:

- Đoàn quân viễn chinh của nhà Tống đến biên cương Trung-Việt nhằm thời điểm thời tiết khí hậu khắc nghiệt: nào sơn lam chướng khí, rừng thiêng nước độc, núi đồi hiểm trở giăng mắc khắp nẻo sơn khê. Người nào không sống lâu năm và không quen khí hậu khắc nghiệt này đều bị bỏ mạng dọc đường.
- Thiền sư biết lợi dụng khí hậu khắc nghiệt nói trên làm chiến trường nhằm chận đứng đoàn quân viễn chinh hùng hậu của nhà Tống, cũng giống như Khổng Minh lợi dụng sương mù của Trường Giang đoạt lấy tên bắn của Tào Tháo đem cung cấp cho quân nhà Ngô. Cho nên Thiền sư mới cả quyết với vua Đại Hành rằng chỉ trong thời gian 21 ngày là đoàn quân nhà Tống phải rút về nước. Đây là trí tuệ của Tâm mà Thiền sư đã chứng đắc và sử dụng trí tuệ đó phụng sự cho quốc gia.

b.- Một dữ kiện thứ hai Thiền sư đã chứng Tha Tâm Thông biết trước được khuynh hướng của mọi người khi đối diện và tùy duyên ứng phó; trường hợp như Đỗ Ngân, có lẽ vì bất đồng quan niệm chánh trị với Thiền sư Vạn Hạnh giữa nhà Tiền Lê và nhà Lý, cho nên ông tổ chức ám sát Thiền sư. Thiền sư Vạn Hạnh biết trước âm mưu của Đỗ Thích hại mình liền gởi thơ cảnh cáo. Bài Thơ cảnh cáo Đỗ Thích được ghi lại trong *Thơ Văn Lý Trần* tập I,

trang 214 do Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội-Hà Nội 1977 như sau:

KÝ ĐỖ THÍCH

Thổ mộc tương sinh cấn 1* bạn câm (kim),
Vi hà mưu ngã uẩn linh khâm?
Đương thì ngũ khẩu thu tâm tuyệt,
Trực 2* chí vị lai bất hận tâm.

Dịch Nghĩa:

GỬI ĐỖ NGÂN (1)

Thổ và Mộc sinh ra nhau, Cấn đứng liền với Kim
Cớ sao lại chất chứa trong lòng mưu mô hại ta?
Lúc bấy giờ lòng ta buồn bã vô cùng,
Nhưng về sau thì chẳng còn để bụng oán giận."

Huệ Chi dịch thơ:

Kim cấn liền đôi như thổ mộc
Cớ sao toan chước hại nhau ngầm?
Thoạt nghe, bụng tớ rầu khôn xiết,
Nhưng thực về sau chẳng bận tâm."

Khảo Đính:

1* TUTA và các bản đều là chữ "Ngân," nhưng câu này dùng lối chiết tự: Chữ "Thổ" và chữ "Mộc" hợp lại thành chữ "Đỗ," chữ "Cấn" và chữ "Kim" hợp lại thành chữ "Ngân"; Đỗ Ngân là tên họ của người mà Thiền sư Vạn Hạnh gửi bài thơ này.

2* Chữ "Trực Chí," nghĩa là cho đến, trực chí vị lai nghĩa là cho đến sau này (Nhưng về sau...).

(*Thơ Văn Lý - Trần* tập I, trang 215 Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội- Hà Nội 1977)

c.- Một dữ kiện thứ ba chứng minh sự chứng đắc của Thiền sư Vạn Hạnh. Theo *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* của Thích Mật Thể, trang 115 ghi rằng: "Long Đĩnh là người bạo ngược, tính hay chém giết, ác bằng Kiệt, Trụ ngày xưa. Khi đã giết anh (Lê Trung Tôn con Lê Đại Hành) rồi lên làm vua và thường cứ lấy sự giết người làm trò chơi.... Có thể nói, Lê Long Đĩnh là một ông vua tồi bại độc ác, hoang dâm vô đạo không thể tả, do đó có tên là Lê Ngọa Triều, nguyên do ông vua này hoang dâm quá độ, khi lâm triều chỉ nằm trên long sàng mà không thể ngồi lên được. Vua Ngọa Triều độc ác này chỉ làm vua được bốn năm (1005 - 1009) thì mất.

Người thay thế Lê Long Đĩnh chính là Lý Công Uẩn và lập nên triều đại nhà Lý với danh xưng là Lý Thái Tổ (1010 - 1028). Người có công lớn nhất trong cuộc vận động Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng Đế chính là Thiền sư Vạn Hạnh và sau đó ngài được Lý Thái Tổ tấn phong lên ngôi vị Quốc Sư. Quốc Sư Vạn Hạnh là một thiền sư vô tiền khoáng hậu, ngoài sự chứng đắc về Mật Giáo, còn thông bác cả chánh trị và ngoại giao, khéo liên kết và dung hợp các khuynh hướng văn hóa, chánh trị và tôn giáo đương thời biến thành chất liệu keo sơn để làm thế đứng kiên cố bền vững giúp cho triều đại nhà Lý xây dựng đất nước và thiết lập kế sách lâu dài giúp cho dòng họ nhà Lý trị nước an dân. Theo *Thiền Học Việt Nam* của Nguyễn Đăng Thục, trang 207 - 222, lúc bấy giờ dưới triều đại nhà Lý, có bảy trào lưu văn hóa và tín ngưỡng khác nhau:

1. Văn Hóa Động Cổ cũng gọi là Văn Hóa Đông Sơn,
2. Văn Hóa Cổ Mộ cũng gọi là Văn Hóa Lạch Trường,
3. Văn Hóa Phật Ấn của Tỳ Ni Đa Lưu Chi,
4. Văn Hóa Phật Hoa của Vô Ngôn Thông,
5. Văn Hóa Bà La Môn của Chiêm Thành và Chân Lạp,
6. Văn Hóa Hán Nho của Chư Tử và Sĩ Nhiếp,
7. Văn Hóa Lạt Ma Tây Tạng của Nam Chiếu.

Bảy trào lưu văn hóa trên, mỗi trào lưu đều có lối chủ trương và truyền thừa riêng biệt nhau, không đồng quan điểm tư tưởng và định hướng với nhau. Thế nhưng Quốc Sư Vạn Hạnh thiết lập triết lý Dung Tam Tế và sử dụng năng lực Chú Tổng Trì, một trong bốn Tổng Trì của Mật Tông mà ngài đã chứng đắc vận động bảy trào lưu văn hóa tín ngưỡng dị biệt

này dung hợp nhau tạo thành kế sách "Trung Lưu Chỉ Trụ," nghĩa là nền văn hóa Việt Tộc đứng vững giữa dòng sông tư tưởng để làm nền tảng căn bản lâu dài cho triều đại nhà Lý phát triển và nhờ đó triều đại nhà Lý thạnh trị bền lâu nhất suốt 215 năm (1010 - 1225).

Về sau vua Lý Nhân Tông (1072 - 1027) có làm bài thơ ca ngợi Quốc Sư Vạn Hạnh:

Vạn Hạnh *dung tam tế,*
Chơn phù cổ sấm ky (cơ),
Hương quan danh Cổ Pháp,
Trụ tích trấn vương kỳ."

Nghĩa là:

Quốc Sư Vạn Hạnh dung thông được ba cõi (cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc)
Đúng với phù hiệu tiên tri của thời cổ xưa,
Quê hương danh tiếng là Cổ Pháp (kinh đô Phật Giáo Việt Nam thời xưa),
Quốc Sư đem gậy Mật Giáo bảo vệ lãnh thổ quốc gia.

Theo *Thơ Văn Lý Trần* Tập I, do Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội - Hà Nội năm 1977 ghi, Thiền Sư Vạn Hạnh Viên Tịch ngày 15 tháng 5 năm Mậu Ngọ, niên hiệu Thuận Thiên thứ 9 (tức ngày 30 tháng 6 năm 1018). Thiền Sư Vạn Hạnh có để lại một số tác phẩm: hiện nay theo Thơ Văn Lý Trần có 5 bài thơ mang tính chất những lời sấm ký và một thi kệ. Ngoài ra còn có một ít lời phát biểu về thời cuộc.

(còn tiếp - mời đón xem số sau)